

Bản án số: **24/2018/HNGĐ-ST.**

Ngày: 25/01/2018

Về việc: *T/c hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1 – Bà Lê Thị Thảo

2 – Ông Hà Hữu Bình

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Triệu Thị Thúy Tình – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hào – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 251/2017/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017, về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/12/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Hải Y, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ M, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang
(vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Th, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ M, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang
(vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Vũ Hải Y. và anh Trần Văn Th. kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2012 tại UBND phường N. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống và làm việc tại Tổ M, phường N, thành phố T. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, hạnh phúc được 1 thời gian ngắn khoảng hơn 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Từ năm 2015 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau.

Nay chị Y. xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

Quá trình giải quyết anh Trần Văn Th. không có mặt ở địa phương, Tòa án đã làm đủ các biện pháp nghiệp vụ điều tra nhưng không thấy anh Th. trở về.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trần Hưng T, sinh ngày 30/01/2012. Cháu T. hiện đang ở với chị Y, nếu ly hôn chị nhận nuôi cháu và không yêu cầu anh Th. cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Y. xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện:* Chị Vũ Hải Y. và anh Trần Văn Th. có hộ khẩu thường trú ở Tổ M, phường N, thành phố T. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại nhà ông Nguyễn Kim C. ở tổ B, phường N. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, hạnh phúc được thời gian ngắn thì thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm. Từ năm 2015 đến nay anh Th. đi làm ăn xa, nghe nói làm ở Hà Nội, anh Th. vẫn liên lạc với ông Nguyễn Kim C. để hỏi thăm tình hình vợ con nhưng không về địa phương.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng dân sự đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Riêng phía bị đơn không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị Vũ Hải Y. và anh Trần Văn Th. kết hôn với nhau vào ngày 24/12/2012 tại UBND phường N, thành phố T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, tháng 7/2015 vợ chồng sống ly thân nhau và chị Y. có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Th. Qua xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc, có đánh cãi chửi nhau, hiện tại anh Th. không có mặt ở địa phương. Do vậy, Căn cứ Điều 56 Luật HN&GD, đề nghị Hội đồng xét xử xử theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Y. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Do đương sự không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vũ Hải Y. và anh Trần Văn Th. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2012 tại UBND phường N, thành phố T. là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bình thường, không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2015 vợ chồng ly thân nhau. Sau khi sống ly thân anh Th. bỏ nhà đi làm thuê ở thành phố Hà Nội và không trở về địa phương. Tòa án đã làm các thủ tục niêm yết, thông báo cho gia đình theo quy định nhưng anh Th. không trở về và cũng không có tin tức gì.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

Qua xác minh tại nơi cư trú của các đương sự thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn là những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm. Hiện tại vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Vũ Hải Y. và anh Trần Văn Th. không có hạnh phúc, có mâu thuẫn và mâu thuẫn đã đến mức làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu, anh Th. hiện ở đâu làm gì không ai biết. Xét thấy, đơn khởi kiện ly hôn của chị Y. là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận xử cho chị Vũ Hải Y. được ly hôn với anh Trần Văn Th.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Hưng T, sinh ngày 30/01/2012, chị Y. có quan điểm nhận nuôi cháu và không yêu cầu anh Th. cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Do hiện tại anh Th. không có mặt ở địa phương, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu cần chấp nhận yêu cầu của chị Y. giao cháu T. cho chị Y. trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do anh Th. không có mặt ở địa phương và do chị Y. không yêu cầu anh Th. phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Th. không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung mà không ai được cản trở

[3]. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: chị Vũ Hải Y. xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Vũ Hải Y. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 147, 228, 271 - Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Hải Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Hải Y. được ly hôn với anh Trần Văn Th.
2. Về con chung: Xử giao cháu Trần Hưng T, sinh ngày 30/01/2012 cho chị Vũ Hải Y. trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn Th. không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở
3. Về án phí: Chị Vũ Hải Y. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm

ng nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004937 ngày 10/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Chị Y. đã nộp đủ án phí của vụ án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp. Tuyên Quang (02 bản);
- CC THA DS tp. Tuyên Quang (để thi hành);
- UBND phường N;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến